



GIỚI THIỆU VĂN BẢN MỚI



BBT: Chiến lược Phát triển Thông kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (CLTK11-20) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2010. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức 02 Hội nghị công bố CLTK11-20. Tiếp theo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã xây dựng kế hoạch thực hiện CLTK11-20 giữa các bộ, ngành, địa phương thực hiện CLTK11-20. Theo đó, phân công cụ thể từng bộ, ngành, địa phương chủ trì thực hiện những công việc, thời gian, sản phẩm dự kiến đạt được. Thông tin Khoa học Thông kê xin giới thiệu toàn văn Văn bản số 602/BKHĐT-TCTK và Kế hoạch thực hiện CLTK11-20.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 602/BKHĐT-TCTK

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2012

V/v kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thông kê Việt Nam

Kính gửi:

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 18 tháng 10 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1803/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2011 phê duyệt Chiến lược phát triển Thông kê Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Trong Quyết định này Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) làm đầu mối tổ chức thực hiện Chiến lược; xây dựng, ban hành và chỉ đạo Kế hoạch thực hiện các Chương trình hành động của Chiến lược.

Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 8570/BKHĐT-TCTK gửi Dự thảo Kế hoạch thực hiện Chiến lược để lấy ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (Bộ, ngành), Ủy ban nhân dân tinh, thành phố trực thuộc Trung ương (địa phương). Sau khi nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến đóng góp, hoàn chỉnh Kế hoạch thực hiện Chiến lược, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Kế hoạch này (gửi kèm theo) để Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

Trên cơ sở Kế hoạch chung, chậm nhất là ngày 02 tháng 3 năm 2012 Bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch thực hiện cụ thể các công việc được phân công trong Chiến lược gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và Bộ, ngành, địa phương khác có liên quan đến việc theo dõi, đánh giá, phối hợp thực hiện; đồng thời dự toán kinh phí hàng năm thực hiện Chiến lược của Bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) làm căn cứ thẩm định tổng dự toán và bố trí kinh phí hàng năm thực hiện Chiến lược của Bộ, ngành, địa phương.

Ngày 20 tháng 01 hàng năm trong giai đoạn thực hiện Chiến lược (2011-2020), Bộ, ngành, địa phương tiến hành báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để tổng hợp chung báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Lưu: VT, TCTK.

BỘ TRƯỞNG

Đã ký

Bùi Quang Vinh

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Công văn số 602/BKHTT-TCTK ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|--|---|------------------|------------------------|---|
| 1 | Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược. Tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược | | | | |
| 1.1 | Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp Trung ương, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ, ngành | Tháng 1-2/2012 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược Trung ương; - Các Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. |
| 1.2 | Hội nghị công bố Chiến lược phát triển thống kê và kêu gọi tài trợ kinh phí và hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện Chiến lược | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Tháng 11/2011 – 5/2012 | <ul style="list-style-type: none"> - 02 Hội nghị công bố Quyết định số 1803/QĐ-TTg. Thành phần tham dự, gồm: Đại diện các Bộ, ngành trung ương, sở ngành địa phương; các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan truyền thông; các tổ chức quốc tế; - 03 Hội nghị kêu gọi tài trợ tài chính cho việc thực hiện chiến lược. Đối tượng là các tổ chức quốc tế; tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước. |
| 1.3 | Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược và hướng dẫn khung theo dõi, đánh giá thực hiện chiến lược | | | | |
| - | Hội nghị cấp Bộ, ngành ở Trung ương (02 Hội nghị: 01 cho các đơn vị của Tổng cục Thống kê; 01 cho các Bộ, ngành) | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | Tháng 1-2/2012 | <p>Đối tượng tham gia Hội nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê; - Đại diện lãnh đạo cấp Vụ và tương đương phụ trách thống kê Bộ, ngành. |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|---|--|---|---------------------|--|
| - | Hội nghị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì (03 Hội nghị ở 3 miền: Bắc, Trung, Nam) | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Tháng 3-5/2012 | Đối tượng tham gia Hội nghị: - Cục trưởng và 01 lãnh đạo cấp phòng thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố; - Đại diện UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. |
| - | Hội nghị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì (01 hội nghị x 63 tỉnh, thành phố) | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Tháng 3-5/2012 | Đối tượng tham gia Hội nghị: - Sở, ngành, các cơ quan địa phương; - Các doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.. |
| 2 | Hoàn thiện thể chế, khuôn khổ pháp lý và điều phối các hoạt động thống kê | | | | |
| 2.1 | Đánh giá, bổ sung, sửa đổi Luật Thống kê và các văn bản dưới Luật | | | | |
| - | Đánh giá, bổ sung, sửa đổi Luật Thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội | 2012-2013 | - Báo cáo đánh giá Luật Thống kê; - Dự thảo Luật Thống kê (sửa đổi) trình Chính phủ năm 2013. |
| - | Xây dựng Nghị định hướng dẫn và quy định chi tiết một số điều của Luật Thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ | 2014 | Nghị định hướng dẫn và quy định chi tiết một số điều của Luật Thống kê trình cấp có thẩm quyền ban hành |
| - | Xây dựng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ | 2014 | Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê trình cấp có thẩm quyền ban hành |
| - | Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình phổ biến và tuyên truyền Luật Thống kê và các văn bản liên quan | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2014 | - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chương trình phổ biến và tuyên truyền Luật Thống kê (2014); - Triển khai thực hiện Chương trình phổ biến và tuyên truyền Luật Thống kê từ năm 2014 trở đi. |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|---|--|---|---------------------|---|
| 2.2 | Củng cố, hoàn thiện và đổi mới các tổ chức thống kê | | | | |
| - | Đổi mới cơ cấu tổ chức Hệ thống thống kê tập trung theo hướng chuyên môn hóa các khâu của quá trình thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ | Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp | 2015-2020 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của cấp có thẩm quyền về chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của tổ chức Hệ thống thống kê tập trung; - Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Hệ thống thống kê tập trung. |
| - | Củng cố và hoàn thiện tổ chức thống kê Bộ, ngành | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ | 2012-2015 | Quyết định của cấp có thẩm quyền về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức thống kê Bộ, ngành |
| - | Củng cố và hoàn thiện thống kê Sở, ngành ở địa phương, thống kê xã, phường | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2015 | Văn bản của cấp có thẩm quyền về củng cố và hoàn thiện thống kê Sở, ngành ở địa phương; thống kê xã, phường, thị trấn |
| 2.3 | Xây dựng cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê | | | | |
| - | Xây dựng cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Hệ thống thống kê tập trung với thống kê Bộ, ngành ở Trung ương, thống kê Sở ngành ở địa phương | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo Quy chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa các nhà sản xuất thông tin thống kê với nhau |
| - | Xây dựng Chính sách phổ biến thông tin thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chính sách phổ biến thông tin thống kê |
| 3 | Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng phương pháp luận và quy trình thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế | | | | |
| 3.1 | Nghiên cứu và ứng dụng phương pháp luận thống kê theo tiêu chuẩn quốc tế trong từng lĩnh vực thống kê | | | | |
| - | Xây dựng Lộ trình thực hiện thống kê tài khoản quốc gia theo phiên bản 2008 (SNA2008) ¹ của Liên Hợp Quốc | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo Lộ trình thực hiện SNA2008 |

¹ Hệ thống tài khoản được áp dụng phiên bản 2008.

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|----|---|--|---|---------------------|--|
| - | Triển khai thực hiện Lộ trình thống kê SNA2008 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2013-2020 | Các tài khoản, các chỉ tiêu được lập và biên soạn theo SNA2008 |
| + | Lập các tài khoản theo khu vực thể chế: Tài khoản sản xuất, Tài khoản tạo thu nhập; Tài khoản phân phối thu nhập lần đầu; Tài khoản phân phối lại thu nhập; Tài khoản sử dụng thu nhập; Tài khoản vốn tài sản | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2013-2015 | Tài khoản tạo thu nhập, Tài khoản phân phối thu nhập lần đầu, Tài khoản phân phối lại thu nhập, Tài khoản sử dụng thu nhập, Tài khoản vốn tài sản theo khu vực thể chế được lập và công bố |
| + | Lập Tài khoản tài chính theo khu vực thể chế | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2015-2020 | Tài khoản tài chính theo khu vực thể chế được lập và công bố |
| - | Lập các bảng cân đối chủ yếu của nền kinh tế | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2015 | Các bảng cân đối chủ yếu được công bố |
| - | Lập Tài khoản vệ tinh du lịch, Tài khoản môi trường và một số tài khoản khác | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài nguyên, Môi trường | Bộ, ngành; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012-2020 | Tài khoản vệ tinh du lịch, tài khoản môi trường và một số tài khoản khác được lập và công bố |
| - | Nghiên cứu áp dụng phương pháp luận theo phiên bản mới của Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế theo từng lĩnh vực thống kê chuyên ngành: Nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp; xây dựng; thương mại, dịch vụ; dân số và lao động; xã hội và môi trường; giá cả... | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012-2020 | Số liệu thống kê của từng lĩnh vực được biên soạn và công bố phù hợp với phương pháp luận quốc tế (theo phiên bản mới) |
| - | Nghiên cứu áp dụng thống kê tài chính Chính phủ theo phiên bản mới của Liên Hợp Quốc (2012: Nghiên cứu; từ 2013 trở đi: áp dụng) | Bộ Tài chính | Bộ Kế hoạch và Đầu tư UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012-2020 | Số liệu thống kê tài chính Chính phủ được biên soạn và công bố phù hợp với phương pháp luận quốc tế (phiên bản mới) |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|--|-----------------------------|---|---------------------|--|
| - | Nghiên cứu áp dụng phương pháp thống kê cân bằng thanh toán theo cuốn Hướng dẫn thống kê cân bằng thanh toán phiên bản số 6 (BPM6) của IMF (2012: nghiên cứu BPM6; từ 2013 – 2020 áp dụng) | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012-2020 | Cán cân thanh toán được lập và công bố phù hợp với phương pháp luận quốc tế (phiên bản mới) |
| - | Nghiên cứu, cập nhật phương pháp luận điều tra chọn mẫu theo chuẩn quốc tế | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012-2020 | Tài liệu hướng dẫn điều tra chọn mẫu theo chuẩn quốc tế được biên soạn và triển khai áp dụng |
| 3.2 | Xác định và nghiên cứu phương pháp đo lường các hiện tượng kinh tế - xã hội mới nhằm phản ánh đầy đủ bức tranh kinh tế - xã hội | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2020 | Kết quả nghiên cứu được công bố và áp dụng |
| 3.3 | Nghiên cứu áp dụng các bảng danh mục, phân loại chuẩn quốc tế | | | | |
| - | Bảng danh mục, phân loại theo mục đích sử dụng cuối cùng của hộ gia đình (COICOP), Bảng phân loại theo mục đích sử dụng của Chính phủ (COFOG), Bảng phân loại theo mục đích của khu vực thể chế phi lợi nhuận phục vụ hộ gia đình (COPNI), Bảng phân loại tình trạng và sử dụng thời gian lao động (ICATUS), Bảng phân loại hàng hóa ngoại thương (SITC)... và các bảng phân loại đặc thù của Việt Nam | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2020 | Các Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo các bảng danh mục, phân loại phục vụ công tác thống kê |
| - | Bảng danh mục, bảng phân loại phục vụ thống kê tài chính | Bộ Tài chính | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2020 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo bảng danh mục, bảng phân loại phục vụ công tác thống kê tài chính |
| - | Bảng danh mục, bảng phân loại phục vụ thống kê ngân hàng, bảo hiểm | Ngân hàng Nhà nước | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2020 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo bảng danh mục, bảng phân loại phục vụ công tác thống kê ngân hàng, bảo hiểm |
| 3.4 | Biên dịch, biên soạn và phổ biến sách hướng dẫn phương pháp luận thống kê | | | | |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|--|---|--|---------------------|---|
| - | Biên soạn và xuất bản Từ điển Thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, Trường Đại học, Viện nghiên cứu | 2012-2015 | Từ điển thống kê được in ấn và phát hành |
| - | Biên soạn và xuất bản tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ thống kê tài khoản quốc gia 2008 (SNA2008) | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành liên quan | 2013 | Sách hướng dẫn nghiệp vụ thống kê SNA2008 được biên soạn và phát hành |
| - | Biên soạn và xuất bản sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê của từng chuyên ngành: Nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, dân số, lao động; xã hội, môi trường, giá cả... | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành liên quan | 2012-2015 | Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê của từng chuyên ngành được biên soạn và phát hành |
| - | Biên soạn và xuất bản sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê tài chính Chính phủ | Bộ Tài chính | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2015 | Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê tài chính Chính phủ được biên soạn và phát hành |
| - | Biên soạn và xuất bản sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán | Ngân hàng Nhà nước; Bảo hiểm Việt Nam, Bộ Tài chính | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2015 | Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê ngân hàng, bảo hiểm được biên soạn và phát hành |
| 3.5 | Xây dựng, áp dụng các quy trình và công cụ quản lý chất lượng hoạt động thống kê | | | | |
| - | Xây dựng, áp dụng quy trình chuẩn đánh giá chất lượng đối với điều tra mẫu, điều tra toàn bộ và tổng điều tra thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2015 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành quy trình chuẩn đánh giá chất lượng đối với điều tra mẫu, điều tra toàn bộ và tổng điều tra thống kê; - Các cuộc điều tra được đánh giá chất lượng theo quy trình đã ban hành. |
| - | Xây dựng, áp dụng quy trình xây dựng Chế độ báo cáo thống kê và phương án điều tra thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2015 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành quy trình chuẩn xây dựng chế độ báo cáo thống kê; - Các chế độ báo cáo thống kê được xây dựng theo quy trình chuẩn đã được ban hành. |
| - | Áp dụng quy trình quản lý và đánh giá chất lượng số liệu thống kê theo Khung đánh giá chất lượng của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (DQAF) | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | Hàng năm | Số liệu thống kê được đánh giá chất lượng theo DQAF |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|--|-----------------------|--|---------------------|--|
| 3.6 | Tham gia nghiên cứu khoa học thống kê với các nước trong khu vực và thế giới | | | | |
| - | Hợp tác nghiên cứu với các tổ chức nghiên cứu khoa học thống kê của các nước trong khu vực và thế giới | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | Hàng năm | <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản ghi nhớ được thông qua; - Báo cáo kết quả nghiên cứu được công bố. |
| - | Tổ chức các cuộc hội thảo quốc tế về lĩnh vực thống kê tại Việt Nam | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2014-2020 | Các cuộc hội thảo quốc tế về khoa học, đào tạo thống kê được tổ chức tại Việt Nam |
| 3.7 | Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học thống kê | | | | |
| - | Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án đổi mới Viện Khoa học thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2020 | Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án đổi mới Viện Khoa học thống kê (2012); triển khai thực hiện Đề án từ năm 2013 trở đi |
| - | Thành lập Hội đồng khoa học ngành Thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012 | Quyết định thành lập và quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học ngành Thống kê được ban hành |
| - | Hình thành mạng lưới nghiên cứu khoa học thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2013-2015 | Cơ sở dữ liệu cán bộ nghiên cứu khoa học ngành Thống kê |
| 4 | Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thu thập thông tin thống kê | | | | |
| 4.1 | Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê | | | | |
| - | Rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2016-2020 | Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được rà soát, cập nhật hàng năm từ năm 2016 |
| - | Rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2016-2020 | Hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã được rà soát, cập nhật hàng năm từ năm 2016 |
| - | Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2015 | Hệ thống chỉ tiêu thống kê của tất cả các Bộ, ngành được xây dựng, hoàn thiện và đưa vào áp dụng |
| - | Rà soát, cập nhật hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2016-2020 | Hệ thống chỉ tiêu thống kê của tất cả các Bộ, ngành được rà soát, cập nhật hàng năm, từ năm 2016 |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|--|---|-----------------------|---------------------|--|
| 4.2 | Tăng cường khai thác nguồn dữ liệu từ hồ sơ hành chính phục vụ mục đích thống kê | | | | |
| - | Khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống thông tin đăng ký hộ tịch, hộ khẩu phục vụ thống kê dân số (tăng giảm dân số, sinh, tử, kết hôn, ly hôn, di, dến...) | Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Tòa án nhân dân tối cao | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | Số liệu thống kê dân số chủ yếu được biên soạn từ hệ thống thông tin đăng ký hộ tịch, hộ khẩu |
| - | Khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống thông tin đăng ký đất đai phục vụ thống kê hiện trạng sử dụng đất đai | Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | Số liệu thống kê về hiện trạng sử dụng đất đai chủ yếu được biên soạn từ hệ thống đăng ký đất đai |
| - | Khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống tờ khai xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ thống kê xuất nhập khẩu hàng hóa | Bộ Tài chính | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | Số liệu thống kê xuất nhập khẩu hàng hóa được biên soạn từ hệ thống tờ khai xuất nhập khẩu hàng hóa |
| - | Khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống đăng ký phương tiện cơ giới đánh bắt thủy sản phục vụ thống kê thủy sản | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | Số liệu thống kê phương tiện cơ giới đánh bắt thủy sản được biên soạn từ hệ thống đăng ký phương tiện cơ giới đánh bắt thủy sản |
| - | Khai thác nguồn dữ liệu từ Tổng kiểm kê Rừng giai đoạn 2011 - 2015 phục vụ thống kê lâm nghiệp | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | Số liệu thống kê diện tích rừng hiện có phân theo loại rừng, hình thức sở hữu, đơn vị hành chính |
| - | Khai thác nguồn dữ liệu từ hệ thống đăng kiểm phương tiện vận tải cơ giới đường bộ phục vụ thống kê vận tải | Bộ Giao thông vận tải | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | Số liệu thống kê phương tiện vận tải cơ giới đường bộ được biên soạn từ hệ thống đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ |
| - | Hoàn thiện, nâng cấp cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, đơn vị cơ sở phục vụ thống kê doanh nghiệp và đơn vị cơ sở | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính | Hàng năm | - Số liệu thống kê doanh nghiệp, đơn vị cơ sở chủ yếu được biên soạn từ cơ sở dữ liệu này; - Dàn mẫu điều tra doanh nghiệp, đơn vị cơ sở được lập từ cơ sở dữ liệu này. |
| 4.3 | Rà soát, cập nhật, hoàn thiện chương trình điều tra thống kê quốc gia, các cuộc điều tra bộ, ngành; các cuộc điều tra của địa phương | | | | |
| - | Rà soát, cập nhật, hoàn thiện chương trình điều tra thống kê quốc gia | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012, 2015, 2020 | Quyết định của Thủ tướng ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia được sửa đổi, bổ sung |
| - | Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các cuộc điều tra thống kê của các Bộ, ngành | Bộ ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | Danh sách các cuộc điều tra thống kê của các bộ, ngành được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hàng năm |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|---|--|---|---------------------|---|
| - | Rà soát, cập nhật, hoàn thiện các cuộc điều tra thống kê của địa phương | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, ngành | Hàng năm | Phương án các cuộc điều tra, tổng điều tra được cải tiến theo hướng gọn nhẹ, chất lượng, hiệu quả |
| 4.4 | Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê | | | | |
| - | Cập nhật, hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị cơ sở (doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp...) | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành | Bộ, ngành | 2012, 2015, 2020 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị cơ sở phù hợp với chương trình điều tra thống kê, các hệ thống chỉ tiêu thống kê |
| - | Cập nhật và hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012, 2015, 2020 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với cấp tỉnh, huyện, xã |
| - | Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Sở, ngành địa phương | Bộ, ngành | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012, 2015, 2020 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Sở, ngành địa phương |
| - | Cập nhật, hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012, 2015, 2020 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng đối với Bộ, ngành |
| 5 | Đổi mới, hoàn thiện nâng cao chất lượng hoạt động xử lý, tổng hợp và phổ biến thông tin thống kê | | | | |
| 5.1 | Xây dựng, chuẩn hóa quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp báo cáo thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thống kê Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012-2015 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp các báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố và thống kê Bộ, ngành |
| 5.2 | Xây dựng, chuẩn hóa quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến, lưu trữ, chia sẻ kết quả và dữ liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra | | | | |
| | Đối với các cuộc điều tra, tổng điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến, lưu trữ, chia sẻ kết quả và dữ liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|--|--|---|---------------------|---|
| | Đối với các cuộc điều tra, tổng điều tra không thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia | Bộ, ngành, UNND tỉnh, thành phố | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến, lưu trữ, chia sẻ kết quả và dữ liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra không thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia |
| 5.3 | Xây dựng, chuẩn hóa quy trình xử lý, tổng hợp, phổ biến chỉ tiêu thống kê trong các hệ thống chỉ tiêu thống kê đã ban hành | | | | |
| - | Xây dựng quy trình đối với các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012-2015 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia |
| - | Biên soạn và công bố các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2015 | 100% chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được biên soạn và công bố vào năm 2015 |
| - | Xây dựng quy trình đối với các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành | 2012-2015 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã |
| - | Biên soạn và công bố các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã | UBND cấp tỉnh, thành phố | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành | 2012-2015 | 100% chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã được biên soạn và công bố vào năm 2015 |
| - | Xây dựng quy trình đối với các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012-2015 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền tin, xử lý, tổng hợp, phổ biến các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành/Sở ngành địa phương |
| - | Biên soạn và công bố các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2015 | 100% chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành được biên soạn và công bố vào năm 2015 |
| 5.4 | Xây dựng, chuẩn hóa quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước và các chỉ tiêu có liên quan | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước và các chỉ tiêu có liên quan |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|--|---|-----------------------|------------------------|--|
| 5.5 | Xây dựng, chuẩn hóa quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp, biên soạn và phổ biến Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, niêm giám thống kê | | | | |
| - | Đối với báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, niêm giám thống kê quốc gia | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2013 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp biên soạn và phổ biến Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, niêm giám thống kê quốc gia |
| - | Đối với báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, niêm giám thống kê cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ, ngành | 2012-2013 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp biên soạn và phổ biến Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, niêm giám thống kê quốc gia |
| - | Đối với Niêm giám thống kê Bộ, ngành | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2013 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp biên soạn và phổ biến niêm giám thống kê bộ, ngành |
| 5.6 | Xây dựng, chuẩn hóa quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp, biên soạn và phổ biến số liệu thống kê kinh tế - xã hội của Việt Nam ra nước ngoài và các tổ chức quốc tế | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2013 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy trình truyền đưa, xử lý, tổng hợp, biên soạn và phổ biến số liệu thống kê kinh tế - xã hội của Việt Nam ra nước ngoài và các tổ chức quốc tế |
| 5.7 | Xây dựng, chuẩn hóa Danh mục và lịch công bố các sản phẩm thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2013 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Danh mục và lịch công bố các sản phẩm thống kê |
| 5.8 | Đổi mới và nâng cấp nội dung, hình thức trang thông tin điện tử và các sản phẩm thông tin thống kê khác của Tổng cục Thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012 | Trang thông tin điện tử và các thông tin thống kê khác của Tổng cục Thống kê được đổi mới về nội dung, hình thức |
| 5.9 | Tổ chức đánh giá mức độ hài lòng và xác định nhu cầu của người dùng tin đối với thông tin thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2013; 2015; 2018; 2020 | Kết quả đánh giá mức độ hài lòng và nhu cầu của người dùng tin đối với thông tin thống kê được công bố |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|----------|--|----------------------------------|---|---------------------|--|
| 5.10 | Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về vị trí, vai trò của thống kê và trách nhiệm của cộng đồng đối với công tác thống kê | Bộ Thông tin và truyền thông | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Kế hoạch và thực hiện kế hoạch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng về vị trí, vai trò của thống kê và trách nhiệm của cộng đồng đối với công tác thống kê |
| 6 | Đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê | | | | |
| 6.1 | Hình thành các đơn vị phân tích và dự báo thống kê | | | | |
| - | Thành lập đơn vị chuyên trách về phân tích và dự báo thuộc Hệ thống thống kê tập trung | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2012-2015 | Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thành lập đơn vị phân tích và dự báo thống kê thuộc Hệ thống thống kê tập trung |
| - | Thành lập và kiện toàn đơn vị phân tích và dự báo thống kê tại bộ/ngành (Mỗi Bộ/ngành thành lập đơn vị hoặc nhóm phân tích và dự báo thuộc tổ chức thống kê Bộ/ngành) | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2015 | Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thành lập đơn vị phân tích và dự báo thống kê thuộc thống kê Bộ, ngành |
| 6.2 | Triển khai các hoạt động phân tích và dự báo thống kê | | | | |
| - | Xác định nội dung, phương pháp, công cụ và tiến hành phân tích và dự báo ngắn hạn (Mỗi đơn vị phân tích và dự báo xác định các chỉ tiêu và lựa chọn phương pháp, xây dựng mô hình phân tích và dự báo ngắn hạn phục vụ quản lý điều hành của Bộ, ngành, Chính phủ) | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành | UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Định kỳ | Báo cáo phân tích và dự báo ngắn hạn được công bố |
| - | Xác định nội dung, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo trung và dài hạn (Mỗi đơn vị phân tích và dự báo xác định các chỉ tiêu và lựa chọn phương pháp, xây dựng mô hình phân tích theo chu kỳ 3 năm, 5 năm và 10 năm) | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Định kỳ | Báo cáo phân tích và dự báo trung và dài hạn được công bố |
| 6.3 | Xây dựng cơ chế phối hợp, chia sẻ, sử dụng kết quả phân tích và dự báo thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2014 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phối hợp, chia sẻ, sử dụng kết quả phân tích và dự báo thống kê |
| 6.4 | Nâng cao năng lực cho các đơn vị thực hiện phân tích và dự báo thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành | Bộ, ngành | 2012- 2015 | Đội ngũ cán bộ, phương tiện phân tích và dự báo được tăng cường |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|---|-----------------------|-----------------------|---|--|
| 7 | Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động thống kê | | | | |
| 7.1 | Nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông của Hệ thống thống kê Nhà nước | | | | |
| - | Nâng cấp, mở rộng mạng máy tính của Hệ thống thống kê tập trung | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012 - 2015, sau năm 2015 nâng cấp, thay thế thiết bị hết hạn sử dụng | <ul style="list-style-type: none"> - Mạng máy tính diện rộng đồng bộ thông suốt từ Trung ương đến địa phương vào năm 2015; - Đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ thông tin với các Bộ, ngành và địa phương.. |
| - | Tăng cường năng lực cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông của thống kê Bộ, ngành | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012 – 2015, sau năm 2015 nâng cấp, thay thế thiết bị hết hạn sử dụng | Các mạng máy tính dùng cho thống kê các bộ, ngành được tăng cường, lồng ghép chung với mạng máy tính của Bộ, ngành nhưng bảo đảm khả năng liên kết, trao đổi thông tin với hệ thống thống kê tập trung ở các cấp tương ứng vào năm 2015 |
| 7.2 | Xây dựng và vận hành hệ cơ sở dữ liệu quốc gia và Trung tâm dữ liệu thống kê quốc gia của Hệ thống thống kê tập trung | | | | |
| - | Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu (Metadata) thống kê dùng chung | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2014, sau năm 2015 nâng cấp, thay thế thiết bị hết hạn sử dụng | Cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu (Metadata) dùng chung được xây dựng vào năm 2014. Hỗ trợ việc chuẩn hoá thông tin, chuẩn hoá quá trình sản xuất thông tin đồng thời tăng cường khả năng cung cấp, chia sẻ các bảng danh mục, các bảng phân loại |
| - | Xây dựng và vận hành các cơ sở dữ liệu vi mô, cơ sở dữ liệu vĩ mô các cuộc điều tra, tổng điều tra | | | | |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|---|-----------------------|--|---------------------|---|
| + | Cơ sở dữ liệu vi mô, cơ sở dữ liệu vĩ mô của các cuộc điều tra, tổng điều tra do Hệ thống thống kê tập trung thực hiện | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | Hàng năm | Các cơ sở dữ liệu vi mô, vĩ mô của các tổng điều tra, các điều tra do Tổng cục Thống kê thực hiện trong giai đoạn 2011-2020 được xây dựng và đưa vào sử dụng |
| + | Cơ sở dữ liệu vi mô, cơ sở dữ liệu vĩ mô của các cuộc điều tra, tổng điều tra do thống kê Bộ, ngành thực hiện | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2020 | Các cơ sở dữ liệu vi mô, vĩ mô của các tổng điều tra, các điều tra do thống kê Bộ, ngành thực hiện trong giai đoạn 2011-2020 được xây dựng và đưa vào sử dụng |
| - | Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu thống kê kinh tế-xã hội tổng hợp | | | | |
| + | Cơ sở dữ liệu hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012-2013 | Cơ sở dữ liệu số liệu các chỉ tiêu của Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã được xây dựng và đưa vào sử dụng |
| + | Cơ sở dữ liệu hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2014 | Cơ sở dữ liệu số liệu các chỉ tiêu của hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ ngành được xây dựng từ năm 2012 đến năm 2014; khai thác, cập nhật từ năm 2015 |
| - | Xây dựng và vận hành kho dữ liệu thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2012-2017 | <ul style="list-style-type: none"> - Các kho dữ liệu thống kê cục bộ (DataMart) được xây dựng từ 2012 đến 2014. - Kho dữ liệu thống kê (DataWarehouse) được xây dựng vào năm 2017 |
| 7.3 | Phát triển phần mềm ứng dụng trong thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích và dự báo, truyền đưa, lưu giữ và phổ biến thông tin thống kê | | | | |
| - | Phát triển phần mềm thu thập thông tin thống kê bằng các phương tiện điện tử | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | Hàng năm | Thu thập và truyền đưa dữ liệu điều tra thống kê qua web, email và các thiết bị di động như máy tính xách tay, thiết bị PDA cho một số cuộc điều tra |
| - | Xây dựng phần mềm xử lý, tổng hợp số liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê | | | | |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|----|---|-----------------------|---|---------------------|---|
| + | Đối với các cuộc điều tra, tổng điều tra do hệ thống thống kê tập trung thực hiện | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | Hàng năm | Phần mềm xử lý các cuộc điều tra, tổng điều tra do Hệ thống thống kê tập trung thực hiện trong giai đoạn 2011-2020 |
| + | Đối với các cuộc điều tra, tổng điều tra do thống kê Bộ, ngành thực hiện | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | Phần mềm xử lý các cuộc điều tra, tổng điều tra do thống kê Bộ, ngành thực hiện trong giai đoạn 2011-2020 |
| - | Xây dựng phần mềm xử lý, tổng hợp số liệu theo chế độ báo cáo thống kê định kỳ | | | | |
| + | Đối với chế độ báo cáo thống kê định kỳ do Hệ thống thống kê tập trung chịu trách nhiệm | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | Hàng năm | <ul style="list-style-type: none"> - Các mẫu biểu điện tử thống nhất được áp dụng đối với các đơn vị báo cáo thực hiện báo cáo trực tuyến; - Các báo cáo tổng hợp được thực hiện bằng chương trình ứng dụng vào năm 2015 |
| + | Đối với chế độ báo cáo thống kê định kỳ do thống kê bộ, ngành chịu trách nhiệm | Bộ, ngành | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | <ul style="list-style-type: none"> - Các mẫu biểu điện tử thống nhất được áp dụng đối với các đơn vị báo cáo thực hiện báo cáo trực tuyến; - Các báo cáo tổng hợp được thực hiện bằng chương trình ứng dụng vào năm 2015. |
| - | Phát triển các ứng dụng Chính phủ điện tử trên Internet | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Thông tin truyền thông | | Các ứng dụng Chính phủ điện tử được ứng dụng |
| - | Quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động CNTT và truyền thông trong công tác thống kê | | | | |
| + | Xây dựng các chuẩn về thông tin thống kê, chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông áp dụng cho thống kê để thực hiện thống nhất và đồng bộ trong Hệ thống thống kê Nhà nước | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2012-2013 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chuẩn về thông tin thống kê, chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông áp dụng cho các hoạt động thống kê |
| + | Xây dựng, giám sát và đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong Hệ thống thống kê Nhà nước | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Hàng năm | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế quản lý, giám sát và đánh giá |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|---|--|---|---------------------|---|
| + | Đánh giá, bổ sung các hoạt động công nghệ thông tin và truyền thông của Hệ thống thống kê Nhà nước | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Hàng năm | Báo cáo hàng năm đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động công nghệ thông tin và truyền thông trong công tác thống kê |
| 8 | Phát triển nhân lực ngành Thống kê | | | | |
| 8.1 | Chuẩn hóa các chức danh công chức, viên chức thống kê và xác định số lượng, cơ cấu công chức thống kê theo ngạch công chức thống kê trong hệ thống thống kê Nhà nước | | | | |
| - | Chuẩn hóa các chức danh công chức, viên chức thống kê và xác định số lượng, cơ cấu công chức thống kê theo ngạch công chức thống kê trong Hệ thống thống kê tập trung | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Nội vụ | 2012-2013 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành chức danh công chức thống kê đã được chuẩn hóa, xác định số lượng, cơ cấu theo ngạch thống kê trong Hệ thống thống kê tập trung |
| - | Chuẩn hóa các chức danh công chức, viên chức thống kê và xác định số lượng, cơ cấu công chức thống kê theo ngạch công chức thống kê của thống kê Bộ, ngành | Bộ, ngành | Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2013 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành chức danh công chức thống kê đã được chuẩn hóa, xác định số lượng, cơ cấu theo ngạch thống kê trong thống kê Bộ, ngành |
| 8.2 | Củng cố và tăng cường nhân lực làm công tác thống kê Sở, ngành địa phương; thống kê xã, phường, thị trấn; thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp | Bộ Nội vụ, Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2015 | Văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền quy định cụ thể về chức năng nhiệm vụ của thống kê sở, ngành địa phương; thống kê xã, phường, thị trấn, thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp |
| 8.3 | Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực thống kê | | | | |
| - | Xác định nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Nội vụ, Bộ, ngành | 2012-2015 | Báo cáo nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê phân theo trình độ, hình thức đào tạo và theo năm |
| - | Đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo thống kê ở các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Hàng năm | - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chương trình đào tạo thống kê ở các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học (2012-2013) |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----|--|----------------------------------|-----------------------------------|---------------------|---|
| - | Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo theo ngạch công chức thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ, ngành | Hàng năm | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Chương trình đào tạo theo ngạch công chức thống kê (2012); - Thực hiện chương trình đào tạo từ năm 2013. |
| - | Nâng cấp Trường Cao đẳng Thống kê lên Trường Đại học Thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2013-2015 | Quyết định của cấp có thẩm quyền về nâng cấp Trường Cao đẳng Thống kê lên Trường Đại học Thống kê |
| - | Nâng cấp Trường Trung cấp thống kê lên Trường Cao đẳng Thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền về nâng cấp Trường Trung cấp thống kê lên Trường Cao đẳng Thống kê |
| - | Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án thành lập Trung tâm phát triển nhân lực thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | 2012-2015 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của cấp có thẩm quyền về Đề án thành lập Trung tâm phát triển nhân lực thống kê; - Triển khai thực hiện Đề án. |
| 8.4 | Đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng nhân lực thống kê | Bộ Nội vụ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012-2014 | Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền về đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng nhân lực thống kê |
| 9 | Mở rộng và tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê | | | | |
| 9.1 | Mở rộng, tăng cường hiệu quả hợp tác song phương và đa phương của Thống kê Việt Nam | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | Hàng năm | Các Hiệp định/Biên bản ghi nhớ hợp tác song phương và đa phương về Thống kê được ký kết với các nước, tổ chức quốc tế |
| 9.2 | Tham gia tích cực các hoạt động trong Khung hợp tác thống kê (ACCS) của ASEAN để xây dựng hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN vào năm 2015 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2011-2015 | Hình thành hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN vào năm 2015 |
| 9.3 | Cải thiện, nâng cao chất lượng công tác thống kê nước ngoài và thực hiện các cam kết quốc tế | | | | |
| - | Biên soạn và cung cấp số liệu thống kê Việt Nam ra quốc tế; Biên soạn, phổ biến số liệu thống kê chủ yếu của các nước và các Tổ chức quốc tế cho người dùng tin trong nước | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành | Bộ, ngành | Hàng năm | Số liệu thống kê của Việt Nam và số liệu thống kê của các nước được biên soạn và cung cấp kịp thời cho các đối tượng dùng tin trong và ngoài nước |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----------|--|----------------------------------|---|---------------------|---|
| - | Tham gia đầy đủ, có hiệu quả các chương trình thống kê quốc tế và khu vực (chương trình so sánh quốc tế, chương trình hài hòa số liệu thống kê khu vực và thế giới...) | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành | Bộ, ngành | Hàng năm | Số liệu thống kê của Việt Nam trong các lĩnh vực được biên soạn và cung cấp theo chuẩn mực chung của từng chương trình tham gia |
| 9.3 | Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế Thống kê Việt Nam trong cộng đồng thống kê thế giới | | | | |
| - | Biên soạn các ấn phẩm để quảng bá hoạt động của Thống kê Việt Nam với bạn bè quốc tế | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | Hàng năm | Các ấn phẩm quảng bá hình ảnh của Thống kê Việt Nam được phát hành tới các nước và các tổ chức quốc tế |
| - | Vận động đăng cai tổ chức các Hội nghị Thống kê khu vực và Quốc tế tại Việt Nam | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | Hàng năm | Số cuộc Hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê được tổ chức ở Việt Nam |
| 9.4 | Tăng cường vận động các nguồn tài trợ từ bên ngoài cho hoạt động thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | Hàng năm | Số lượng các dự án, chương trình được ký kết |
| 9.5 | Tăng cường năng lực quản lý và điều phối các Dự án, các nguồn tài trợ nước ngoài cho Thống kê Việt Nam | | | | |
| - | Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Quy chế quản lý và điều phối thống nhất các chương trình hợp tác, dự án, các nguồn vốn | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành | 2013 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế quản lý và điều phối các chương trình, dự án |
| 10 | Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động thống kê | | | | |
| 10.1 | Hoàn thiện công tác tài chính nhằm tăng cường cơ sở vật chất và đảm bảo nguồn kinh phí triển khai các hoạt động thống kê | | | | |
| - | Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các định mức kinh phí áp dụng đối với các hoạt động thống kê | Bộ Tài chính | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền về định mức kinh phí áp dụng cho các hoạt động thống kê |
| - | Dự toán tổng kinh phí cho việc thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (dự toán theo từng năm, từng hoạt động chủ yếu) | Bộ Tài chính | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành khác | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền về Tổng dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược |
| 10.2 | Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở của các cơ quan thống kê thuộc Hệ thống thống kê tập trung | | | | |
| - | Xây dựng Đề án | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian thực hiện | Sản phẩm chính |
|-----------|---|--------------------------|--|---------------------|--|
| - | Tổ chức thực hiện Đề án | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính | 2013-2020 | Thực hiện Đề án |
| 10.3 | Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc của Hệ thống thống kê tập trung; thống kê Bộ, ngành, địa phương | | | | |
| - | Xây dựng Đề án | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án |
| - | Tổ chức thực hiện Đề án | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính | 2013-2020 | Thực hiện Đề án |
| 10.4 | Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính | Hàng năm | Có được các nguồn vốn hợp pháp khác cho các hoạt động thống kê |
| 11 | Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược | | | | |
| 11.1 | Biên soạn Tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chiến lược | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố | 2012 | Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo Tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá |
| 11.2 | Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược | | | | |
| - | Tổ chức theo dõi thường xuyên việc thực hiện Chiến lược | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Hàng năm | <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành hệ thống theo dõi thực hiện Chiến lược; - Các báo cáo kết quả theo dõi thực hiện Chiến lược. |
| - | Tổ chức đánh giá định kỳ việc thực hiện Chiến lược | Tổ chức đánh giá độc lập | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Định kỳ 3 năm | <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành tổ chức đánh giá độc lập việc thực hiện Chiến lược; - Các báo cáo kết quả đánh giá thực hiện Chiến lược. |
| - | Sơ kết, tổng kết thực hiện Chiến lược | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố | 2015; 2020 | Báo cáo sơ kết (2015), báo cáo tổng kết (2020) việc thực hiện Chiến lược |